

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương
giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 182/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch và Phương án phân bổ vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Tuyên Quang, như sau:

Tổng kế hoạch vốn: 6.768.424 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn trong nước: 6.264.824 triệu đồng, gồm:

- Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: 165.000 triệu đồng;
- Y tế, dân số và gia đình: 1.388.000 triệu đồng;
- Các hoạt động kinh tế: 4.591.824 triệu đồng, gồm:
 - + Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: 477.524 triệu đồng;
 - + Công nghiệp: 37.565 triệu đồng;
 - + Giao thông: 3.996.735 triệu đồng;
 - + Du lịch: 10.000 triệu đồng;
 - + Công trình công cộng tại các đô thị: 70.000 triệu đồng.
- Xã hội: 120.000 triệu đồng.

2. Vốn nước ngoài: 503.600 triệu đồng.

- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi: 340.000 triệu đồng;
- Công trình công cộng tại các đô thị: 163.600 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu số 01, 02, 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; Công báo Tuyên Quang;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (Kh).

CHỦ TỊCH

Lê Thị Kim Dung

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
1	2	3=4+5	4	5	6
	TỔNG SỐ	6.768.424	6.264.824	503.600	
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	165.000	165.000		
2	Y tế, dân số và gia đình	1.388.000	1.388.000		
3	Các hoạt động kinh tế	5.095.424	4.591.824	503.600	
3.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	817.524	477.524	340.000	
	Trong đó:				
-	Đầu tư xây dựng các công trình, dự án	802.524	462.524	340.000	
-	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	15.000	15.000		
3.2	Công nghiệp	37.565	37.565		
3.3	Giao thông	3.996.735	3.996.735		
3.4	Du lịch	10.000	10.000		
3.5	Công trình công cộng tại các đô thị	233.600	70.000	163.600	
4	Xã hội	120.000	120.000		

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025, TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dan h m u c dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD CB		
1	2	4	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ			13.009.835	9.590.006	2.619.711	2.339.581	6.194.824	64.524			
I	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, VIỆC LÀM, DẠY NGHỀ			300.810	195.000	7.000	7.000	165.000				
	Dự án nhóm A, Nhóm B, Nhóm C			300.810	195.000	7.000	7.000	165.000				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025, hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025			45.000	45.000	7.000	7.000	15.000				
1	Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang (Khoa dân tộc nội trú)	10798	1500/QĐ-UBND, 26/10/2016	45.000	45.000	7.000	7.000	15.000			Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật - công nghệ Tuyên Quang	
(2)	Dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			255.810	150.000			150.000				
	Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025			255.810	150.000			150.000				
1	Xây dựng Trường THPT Chuyên Tuyên Quang tại địa điểm mới	34570	54/NQ-HĐND; 20/11/2020	255.810	150.000			150.000			Sở Giáo dục và Đào tạo	
II	Y TẾ			1.544.218	1.444.218	35.000	32.000	1.388.000				
	Dự án nhóm A, Nhóm B, Nhóm C			1.544.218	1.444.218	35.000	32.000	1.388.000				
(1)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			76.218	76.218	33.000	30.000	20.000				
	Hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025			76.218	76.218	33.000	30.000	20.000				
1	Nâng cấp mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang	502	1423a, 30/10/2015	76.218	76.218	33.000	30.000	20.000			Bệnh viện Y dược cổ truyền Tuyên Quang	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025			1.468.000	1.368.000	2.000	2.000	1.368.000				
	Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025			1.468.000	1.368.000	2.000	2.000	1.368.000				
1	Đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	30462	53/NQ-HĐND; 20/11/2020	1.270.000	1.200.000			1.200.000			Sở Y tế	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	4	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13
2	Dự án Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	33223	13/NQ-HĐND; 29/4/2020	198.000	168.000	2.000	2.000	168.000			Sở Y tế	
III	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			9.530.447	7.793.229	2.559.711	2.282.581	4.506.824	64.524			
III.1	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI			2.555.814	2.468.935	1.518.244	1.476.307	462.524	64.524			
	Dự án nhóm A, Nhóm B, Nhóm C			2.555.814	2.468.935	1.518.244	1.476.307	462.524	64.524			
(1)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			2.290.814	2.203.935	1.518.244	1.476.307	462.524	64.524			
	Dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 - 2025			2.290.814	2.203.935	1.518.244	1.476.307	462.524	64.524			
1	Dự án xây dựng hạ tầng thiết yếu đảm bảo ổn định đời sống dân cư khu vực xã Bình Yên và thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	5163	148, 16/02/2016	100.000	90.000	85.000	60.000	5.000			UBND huyện Sơn Dương	
2	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, vùng rừng phòng hộ đầu nguồn tại thôn Ngòi Cái, xã Tiến Bộ, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	10147	390/QĐ-UBND, 31/3/2016	83.547	60.000	22.420	22.000	10.000			UBND huyện Yên Sơn	
3	Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm, đặc biệt khó khăn thôn Khâu Tinh, Tát Kê, xã Khâu Tinh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	10148	389/QĐ-UBND, 31/3/2016	88.200	60.000	20.000	17.000	15.000			UBND huyện Na hang	
4	Dự án kè suối Nặm Chang bảo vệ khu Trung tâm hành chính huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	12558	861/QĐ-CT, 03/8/2012;1609/QĐ-CT 31/12/2019	150.132	125.000	33.517	20.000	5.000			UBND huyện Lâm Bình	
5	Dự án điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư dự án thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	5429	1766 QĐ-TTg, 10/10/2011	1.868.935	1.868.935	1.357.307	1.357.307	427.524	64.524		Có Kế hoạch phân bổ chi tiết riêng	
(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025			265.000	265.000							
	Dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			265.000	265.000							
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hồ Cao Ngỗi, xã Đông Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang		49/NQ-HĐND; 20/11/2020	265.000	265.000						Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình NN&PTNT	Dự án sử dụng vốn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
III.2	CÔNG NGHIỆP			515.813	416.089	245.693	85.000	37.565				
	Dự án nhóm A, Nhóm B, Nhóm C			515.813	416.089	245.693	85.000	37.565				

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD CB		
1	2	4	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			515.813	416.089	245.693	85.000	37.565				
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025			515.813	416.089	245.693	85.000	37.565				
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Cụm công nghiệp Khuôn Phươn, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	498	1526a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	61.591	30.000	22.000	22.000	5.000			UBND huyện Na Hang	
2	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2013-2020	491	1194/QĐ-UBND 24/10/20174; 1468/QĐ-UBND, 30/10/2015	454.222	386.089	223.693	63.000	32.565			Sở Công Thương	
III.3	GIAO THÔNG VẬN TẢI			6.373.820	4.848.205	774.774	712.274	3.996.735				
	Dự án nhóm A, Nhóm B, Nhóm C			6.373.820	4.848.205	774.774	712.274	3.996.735				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			4.235.540	3.156.470	773.774	712.274	2.305.000				
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025			4.235.540	3.156.470	773.774	712.274	2.305.000				
1	Dự án 02 tuyến đường dọc hai bên bờ sông Lô đầu nối với các tuyến QL37, QL2C, đường Hồ Chí Minh liên kết với đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với cao tốc Lào Cai-Nội Bài	9465	364/HĐND-KTTS, 17/10/2016; 1560 30/10/2016; 08/NQ-HĐND 10/3/2020	323.692	272.692	120.766	69.766	100.000			UBND thành phố Tuyên Quang	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	17027	77/QĐ-UBND, 25/01/2021	3.112.970	2.100.000	500.000	500.000	1.600.000			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Trung tâm xã Vân Sơn qua các thôn Vộc Dầu, Xóm Mới, nhánh vào thôn Mãn Sơn đi xã Hồng Lạc, xã Sầm Dương đến thôn Phan Lương, xã Lâm Xuyên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	11840	09/NQ-HĐND; 10/3/2020; 689/QĐ-UBND 15/6/2020	200.000	185.000	123.008	112.508	67.000			UBND huyện Sơn Dương	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến ĐT.188 đoạn Km48+00-Km86+300, huyện Chiêm Hóa, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	17028	493/QĐ-UBND, 06/5/2020	598.878	598.778	30.000	30.000	538.000			Sở Giao thông Vận tải	
(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025			2.138.280	1.691.735	1.000		1.691.735				
	Dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			2.138.280	1.691.735	1.000		1.691.735				
1	Dự án đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện lỵ Yên Sơn Km14 QL2 Tuyên Quang - Hà Giang	37255	90/NQ-HĐND; 29/12/2020	635.000	416.000			416.000			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	4	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13
2	Dự án xây dựng cầu Xuân Vân, vượt sông Gâm, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	30534	43/NQ-HĐND; 20/11/2020	278.000	250.000	500		250.000			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
3	Cầu qua sông Lô Km 71 đường Tuyên Quang - Hà Giang đi Bạch Xa, xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	30556	41/NQ-HĐND; 20/11/2020	177.000	160.000	500		160.000			BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh TQ	
4	Xây dựng đường từ Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm đến Quốc lộ 2D và đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ	30551	45/NQ-HĐND; 20/11/2020	487.000	390.000			390.000			Sở Giao thông Vận tải	
5	Đầu tư xây dựng Cầu và tuyến đường tránh thị trấn Sơn Dương từ Km183 QL37 đi qua tổ dân phố Tân Kỳ, Tân Phúc qua Quốc lộ 2C đến Km 188 QL37, tổ dân phố Đăng Châu, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	30558	46/NQ-HĐND; 20/11/2020	329.480	290.000			290.000			Sở Giao thông Vận tải	
6	Cải tạo nâng cấp đường Tân Yên - Thái Sơn - Thái Hòa - Đức Ninh, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	B	52/NQ-HĐND; 20/11/2020	133.800	111.000			111.000			Sở Giao thông Vận tải	
7	Xây dựng đường giao thông từ Trường Tiểu Học xã Khuôn Hà đến đèo Kéo Ráo thôn Nà Vàng, xã Khuôn Hà, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	34571	48/NQ-HĐND; 20/11/2020	98.000	74.735			74.735			UBND huyện Lâm Bình	
III.4	DU LỊCH			85.000	60.000	21.000	9.000	10.000	-	-		
	Dự án nhóm A, Nhóm B, Nhóm C											
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			85.000	60.000	21.000	9.000	10.000	-	-		
1	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu du lịch sinh thái thuộc huyện Lâm Bình	504	1542/QĐ-UBND, 29/10/2016	85.000	60.000	21.000	9.000	10.000				
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI			148.557	142.559	18.000	18.000	120.000				
	Dự án nhóm A, Nhóm B, Nhóm C			148.557	142.559	18.000	18.000	120.000				
(1)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025			148.557	142.559	18.000	18.000	120.000				
	Dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025			148.557	142.559	18.000	18.000	120.000				
1	Dự án cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tuyên Quang	25936	10/NQ-HĐND ngày 10/3/2020	148.557	142.559	18.000	18.000	120.000			BQL Dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh TQ	
V	CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN			1.485.803	15.000			15.000				

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021-2025			CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó: vốn NSTW				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tổng số	Trong đó:			
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD CB		
1	2	4	6	7	8	9	10	9	10	11	12	13
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C			1.485.803	15.000			15.000				
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025			1.485.803	15.000			15.000				
	Dự kiến hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			1.485.803	15.000			15.000				
1	Dự án Nhà máy chế biến lâm sản, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu tại xã Thái Long, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang		523/QĐ-UBND, 31/8/2021	1.328.589	10.000			10.000			Công ty TNHH An Việt Phát Tuyên Quang	
2	Dự án nhà máy chế biến gỗ tại Cụm công nghiệp Tân Thành, huyện Hàm Yên		15121000020, ngày 28/01/2008	66.344	1.000			1.000			Công ty Cổ phần gỗ Đông Dương	
3	Dự án nhà máy dược liệu Thiên Phú tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương		412/QĐ-UBND, 12/10/2020	45.000	2.000			2.000			Công ty Cổ phần dược liệu Thiên Phú	
4	Nhà máy sản xuất chế biến nông sản JW tại Cụm công nghiệp Phúc Ứng, huyện Sơn Dương		516/QĐ-UBND, 28/8/2021	45.870	2.000			2.000			Công ty TNHH JW nông sản	

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021-2025, TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc hiệp định	Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW, giai đoạn 2021-2025				CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
							Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt								
										Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ					1.762.237	282.446	154.070		1.479.792	1.397.341	82.451	573.600	70.000		503.600		
	DỰ ÁN KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC					1.762.237	282.446	154.070		1.479.792	1.397.341	82.451	573.600	70.000		503.600		
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi					918.951	111.257			807.694	772.290	35.404	340.000			340.000		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					918.951	111.257			807.694	772.290	35.404	340.000			340.000		
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					918.951	111.257			807.694	772.290	35.404	340.000			340.000		
a	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					918.951	111.257			807.694	772.290	35.404	340.000			340.000		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2021-2025					918.951	111.257			807.694	772.290	35.404	340.000			340.000		
1	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	WB	08/4/2016		4638/QĐ-BNN-HTQT 09/11/2015	251.660	13.160			238.500	221.805	16.695	100.000			100.000	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình NN&PTNT	
2	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vốn vay ngân hàng Thế giới WB	WB	10/3/2016		3102/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016	253.374	21.680			231.694	212.985	18.709	70.000			70.000	Sở GD&ĐT; Trung tâm NS&VSM TNT; Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	
3	Dự án Chương trình phát triển khu vực nông thôn tỉnh Tuyên Quang	KOICA (Hàn Quốc)	23/01/2019		85/QĐ-UBND 21/3/2019	413.917	76.417			337.500	337.500		170.000			170.000	Ban điều phối các dự án sử dụng vốn nước ngoài	
II	Công trình công cộng tại các đô thị					843.287	171.189	154.070		672.098	625.051	47.047	233.600	70.000		163.600		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					843.287	171.189	154.070		672.098	625.051	47.047	233.600	70.000		163.600		
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					843.287	171.189	154.070		672.098	625.051	47.047	233.600	70.000		163.600		

STT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc hiệp định	Quyết định đầu tư								Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW, giai đoạn 2021-2025				CHỦ ĐẦU TƯ	Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			
							Tổng số	Trong đó: NSTW	Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt								
										Tổng số	Trong đó:							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - Thành phố Tuyên Quang (WB)	WB	17/7/2014		1497 17/12/2014; 375/QĐ-UBND, 25/6/2021	843.287	171.189	154.070		672.098	625.051	47.047	233.600	70.000		163.600	UBND thành phố Tuyên Quang	